TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 8- 2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lê Khắc Hải** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Ánh M**, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông **Danh X**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh M trình bày:

Bà và ông Danh X chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ trước đến nay bà và ông X không đăng ký kết hôn với ai. Trong thời gian chung sống ông X thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn, mỗi lần nhậu về là kiếm chuyện chửi bới xúc phạm bà. Bà đã hết lời khuyên nhủ nhưng ông X không sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà đã bỏ ra ngoài sống từ

khoảng tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông X.

- *Về con chung:* Thời gian chung sống bà và ông X có 04 con chung là Danh Thị Ánh N sinh năm 1993, Danh Hoàng M sinh năm 1995, Danh Thị C sinh năm 1997, Danh Thị Tố N sinh năm 2001. Khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết về con chung cho các con chung đều đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà và ông X không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Danh X trình bày:

- *Về hôn nhân*: Ông và bà Lê Thị Ánh M chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới theo phong tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ trước đến nay ông và bà M không đăng ký kết hôn với ai. Cách đây 02 năm do vợ có biểu hiện nhạt phai tình cảm vợ chồng không còn ngủ chung với nhau, ông đã cố gắng hỏi han nhưng vợ không muốn nói chuyện với ông nên ông có thái độ buồn bực đi nhậu về chửi vợ. Bà M đã bỏ ra ngoài sống từ khoảng tháng 02 năm 2022 cho đến nay. Ông đã đến gặp bà M và kêu về nhưng bà M không về. Nay ông đã biết ông sai muốn nhận lỗi với vợ và xin vợ tha thứ để hàn gắn lại nên ông không đồng ý ly hôn với bà M.

- *Về con chung:* Thời gian chung sống ông và bà M có 04 con chung là Danh Thị Ánh N sinh năm 1993, Danh Hoàng M sinh năm 1995, Danh Thị C sinh năm 1997, Danh Thị Tố N sinh năm 2001. Nếu phải ly hôn thì ông không yêu cầu giải quyết về con chung cho các con chung đều đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông và bà M không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Lê Thị Ánh M và ông Danh X là vợ chồng. Về con chung: Do con chung đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh M khởi kiện bị đơn ông Danh X có địa chỉ tại Khóm A, Phường B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Do bà M và ông X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bà M, ông X là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Về hôn nhân: Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông X có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, thực tế bà M và ông X đã sống chung với nhau như vợ chồng và nay bà M có yêu cầu ly hôn nên theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Ánh M và ông Danh X là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình chung sống bà M và ông X có 04 con chung là Danh Thị Ánh N sinh năm 1993, Danh Hoàng M sinh năm 1995, Danh Thị C sinh năm 1997, Danh Thị Tố N sinh năm 2001. Do con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông X thống nhất xác định là ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[8] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà M đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004131 ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận bà Lê Thị Ánh M và ông Danh X là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Do con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Do bà Lê Thị Ánh M và ông Danh X thống nhất xác định là ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Lê Thị Ánh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Lê Thị Ánh M đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004131 ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ. Ông Danh X không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- CCTHADS thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhi